UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2097/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 68/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 tỉnh Lạng Sơn; số 07/NQ-HĐND ngày 14/3/2025 về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công và kế hoạch

vốn đầu tư phát triển thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; số 27/NQ-HĐND ngày 28/5/2025 về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; số 40/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; số 57/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; điều chỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và các năm trước kéo dài sang thực hiện và giải ngân năm 2024; số 41/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 và kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính và số 51/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 về việc điều chỉnh, phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 392/TTr-STC ngày 18/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, giao chi tiết kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 như sau:

1. Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn ngân sách địa phương đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất):

- Giảm 2,056 tỷ đồng của 01 dự án, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển về.

- Tăng, bổ sung 2,056 tỷ đồng vốn phân cấp cho cấp xã (xã Yên Bình).

- Giao chi tiết: 04 tỷ đồng cho 01 dự án.

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2025 (Vốn ngân sách địa phương):

a) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí:

- Giảm 2,465 tỷ đồng của 01 dự án.

- Tăng, bổ sung: 2,465 tỷ đồng, gồm: 1,445 tỷ đồng cho nhiệm vụ đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia, 1,02 tỷ đồng cho 16 danh mục chuẩn bị đầu tư.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:

- Giảm 2,056 tỷ đồng của 01 dự án, nhiệm vụ từ cấp huyện chuyển về.

- Tăng, bổ sung 2,056 tỷ đồng vốn phân cấp cho cấp xã (xã Yên Bình).

- Giao chi tiết: 04 tỷ đồng cho 01 dự án.

3. Vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025:

a) Giao chi tiết: 105,598 tỷ đồng, gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 99,692 tỷ đồng, trong đó:

+ Phân cấp cho cấp xã: 68,275 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương.

+ Bố trí cho các dự án cấp tỉnh (từ cấp huyện chuyển về): 31,417 tỷ đồng của 35 dự án (gồm: ngân sách trung ương: 31,281 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương: 0,136 tỷ đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 5,906 tỷ đồng bố trí cho 16 dự án cấp tỉnh (từ cấp huyện chuyển về), gồm: 5,116 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương: 0,79 tỷ đồng.

b) Điều chỉnh vốn phân cấp cho cấp xã: giảm 0,084 tỷ đồng của UBND xã Đoàn Kết để tăng, bổ sung 0,084 tỷ đồng cho UBND xã Tân Tiến.

4. Vốn đầu tư phát triển thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 (bao gồm cả kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025):

a) Giao chi tiết: 117,538 tỷ đồng (*tăng 1,445 tỷ đồng vốn đối ứng ngân sách tỉnh tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này so với số vốn chưa giao tại các Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2025*), gồm:

- Vốn kế hoạch năm 2025: 106,593 tỷ đồng, trong đó:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 100,687 tỷ đồng, trong đó: Phân cấp cho cấp xã: 68,275 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương. Bố trí cho các dự án cấp tỉnh: 40,899 tỷ đồng, trong đó: 31,281 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương của 35 dự án từ cấp huyện chuyển về; 9,482 tỷ đồng của 02 dự án cấp tỉnh (gồm: ngân sách trung ương: 8,037 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 1,445 tỷ đồng).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 5,906 tỷ đồng bố trí cho 16 dự án cấp tỉnh (từ cấp huyện chuyển về), gồm: 5,116 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương: 0,79 tỷ đồng).

- Vốn kế hoạch các năm trước kéo dài sang năm 2025: 10,945 tỷ đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó:

+ Phân cấp cho cấp xã: 8,351 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương.

+ Bố trí cho các dự án cấp tỉnh: 2,594 tỷ đồng, trong đó: 2,458 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 2,341 tỷ đồng; ngân sách địa phương: 0,117 tỷ đồng) của 01 dự án cấp tỉnh (trước sắp xếp) và 0,136 tỷ đồng vốn ngân sách địa phương của 01 dự án từ cấp huyện chuyển về.

b) Điều chỉnh vốn phân cấp cho cấp xã (vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025): giảm 0,084 tỷ đồng của UBND xã Đoàn Kết để tăng, bổ sung 0,084 tỷ đồng cho UBND xã Tân Tiến.

5. Vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

5.1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 và các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Thu hồi về tỉnh quản lý kinh phí chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2025: 0,897 tỷ đồng nguồn ngân sách trung ương, cụ thể: Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 0,85 tỷ đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 0,044 tỷ đồng; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 0,003 tỷ đồng.

b) Điều chỉnh số liệu kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 tại Quyết định số 1635/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh:

Giảm ngân sách tỉnh để tăng, bổ sung cho ngân sách xã từ phần ngân sách huyện (trước sắp xếp) chuyển về: 0,703 tỷ đồng.

c) Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp giữa các dự án thành phần thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 và các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 đã thu hồi về tỉnh tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 67,35 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 58,566 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 8,784 tỷ đồng). Trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (kinh phí năm 2025): 43,404 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 42,977 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,427 tỷ đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (kinh phí năm 2025): 6,161 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 6,093 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,068 tỷ đồng).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 17,785 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 9,496 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 8,289 tỷ đồng). Trong đó: kinh phí năm 2025: 10,601 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 4,656 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 5,945 tỷ đồng); kinh phí chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2025: 7,106 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 4,762 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 2,344 tỷ đồng).

d) Điều chỉnh tên xã tại số thứ tự 58, phần III, Biểu 6 và số thứ tự 54, phần III, biểu 10, phụ lục B tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh từ "xã Hòa Bình" thành "xã Yên Bình".

5.2. Giao kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 và các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025 đã thu hồi về tỉnh cho các cơ quan, đơn vị: 189,157 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 176,067 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 13,09 tỷ đồng), trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 133,175 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 132,363 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,812 tỷ đồng), cụ thể:

- Kinh phí năm 2025: 103,094 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 103,069 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,025 tỷ đồng), trong đó:

+ Bố trí cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh: 2,990 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 2,965 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,025 tỷ đồng);

+ Bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường: 100,104 tỷ đồng (ngân sách trung ương).

- Kinh phí các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025: 30,081 tỷ đồng gồm: ngân sách trung ương: 29,294 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,787 tỷ đồng), trong đó:

+ Bố trí cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh: 0,936 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 0,926 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,01 tỷ đồng);

+ Bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường: 29,145 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 28,368 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,777 tỷ đồng).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 27,599 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 27,468 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,131 tỷ đồng), cụ thể:

- Kinh phí năm 2025: 20,481 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 20,473 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 8 triệu đồng), trong đó:

+ Bố trí cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh: 0,273 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 0,265 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 8 triệu đồng);

+ Bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường: 20,208 tỷ đồng (ngân sách trung ương).

- Kinh phí các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025: 7,118 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 6,995 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,123 triệu đồng), trong đó:

+ Bố trí cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh: 0,137 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 0,119 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,018 tỷ đồng);

+ Bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường: 6,981 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 6,876 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,105 tỷ đồng).

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 28,383 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 16,236 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 12,147 tỷ đồng), cụ thể:

- Kinh phí năm 2025: 17.252 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương: 8,707 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 8,545 tỷ đồng), trong đó:

+ Bố trí cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh: 0,1 tỷ đồng (ngân sách tỉnh);

+ Bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường: 17,152 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 8,707 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 8,445 tỷ đồng).

- Kinh phí các năm trước chuyển nguồn sang năm 2025: 11,131 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 7,529 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 3,602 đồng), trong đó:

+ Bố trí cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh: 0,142 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 0,129 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 0,013 tỷ đồng);

+ Bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường: 10,989 tỷ đồng (gồm: ngân sách trung ương: 7,4 tỷ đồng, ngân sách tỉnh: 3,589 tỷ đồng).

(Chi tiết tại các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các phường, xã:

- Trình Hội đồng nhân dân phường, xã quyết định kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, vốn các năm trước kéo dài thực hiện và giải ngân sang năm 2025 chi tiết đến danh mục nhiệm vụ, dự án (đối với vốn đầu tư) và chi tiết đến dự án, tiểu dự án thành phần, nội dung thực hiện (đối với vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia) theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Khẩn trương tổ chức thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công và kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 (bao gồm cả kế hoạch vốn các năm trước kéo dài thực hiện và giải ngân sang năm 2025) bảo đảm hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn trong năm 2025.

3. Các chủ đầu tư khẩn trương tổ chức thực hiện dự án, hoàn thiện hồ sơ thanh toán giải ngân theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước khu vực VI thực hiện các thủ tục và kiểm soát, cấp phát, thanh toán vốn theo quy định.

5. Sở Tài chính theo dõi tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn, chủ trì tham mưu điều hòa, điều chỉnh kế hoạch vốn theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các Bộ: TC, NN&MT, DT&TG;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(VAT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh